

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134/2021/HNGĐ - ST**
Ngày 13 tháng 12 năm 2021
*V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Kiệt.

2. Ông Nguyễn Tất Ái.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Kiều – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 330/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Trương Vĩ G, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Số X, đường N, Phường H, Tp.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Nơi liên lạc: Số 103/1/9 đường Trần Thị Thơm, Phường 9, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Lệ P, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số X, đường N, Phường H, Tp.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Nơi liên lạc: Số Z đường T, Phường G, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn anh Trương Vĩ G trình bày: Anh và chị P kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND phường 7, thành phố Mỹ Tho. Trong quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn xung đột

do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt, đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Kiến M, sinh ngày 16/02/2002 (đã trưởng thành) và Trương Mỹ K, sinh ngày 09/10/2007. Anh G yêu cầu được nuôi cháu Mỹ K, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ P trình bày tại bản tự khai: Chị và anh G kết hôn năm 2001, trong quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Kiến M, sinh ngày 16/02/2002 (đã trưởng thành) và Trương Mỹ K, sinh ngày 09/10/2007. Tự 02 con quyết định, chị nuôi con thì chị yêu cầu anh G cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện. Đồng ý nuôi dưỡng cháu Mỹ K, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Dương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trương Vĩ G yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ P. Chị P có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Chị Nguyễn Thị Lệ P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định tại các Điều 174, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự

nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh G và chị P kết hôn vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 2/2021 đến nay. Nay anh không còn tình cảm với chị P, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Chị Nguyễn Thị Lê P vắng mặt tại phiên tòa, chị đã có văn bản trình bày chị đồng ý ly hôn với anh G, về con chung cháu Mỹ K chưa đủ tuổi thành niên, con quyết định ở với ai thì chị đồng ý, chị nuôi con thì anh G cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2] Xét thấy, về quan hệ hôn nhân giữa anh G và chị P là không thể hàn gắn và chị P cũng đồng ý ly hôn, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh G. Cho anh G được ly hôn với chị P.

[2.3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Kiến M, sinh ngày 16/02/2002 (đã trưởng thành) và Trương Mỹ K, sinh ngày 09/10/2007. Cháu Trương Mỹ K hiện tại đang ở với anh G, nay có nguyện vọng được ở với anh G. Anh G đồng ý nuôi cháu Mỹ K, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cháu Mỹ K cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, anh G chưa yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trương Vĩ G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Vĩ G.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Vĩ G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ P.

2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Kiến M, sinh ngày 16/02/2002 (đã trưởng thành) và Trương Mỹ K, sinh ngày 09/10/2007. Giao cháu Trương Mỹ K cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, anh G chưa yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo qui định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Anh Trương Vĩ G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005740 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên anh đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh G có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND phường 7 TPMT.
- Các đương sự;
- Lưu (07b).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên